

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Văn Lộc

2. Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm 1984. Địa chỉ: số 3, tổ 13, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Hoàng A, sinh năm 1982. Địa chỉ: số 3, tổ 13, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2019 và các lời khai của chị Nguyễn Thị Mộng C (nguyên đơn) trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trịnh Hoàng A chung sống với nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2009 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh chị bất đồng ý kiến không đồng chung quan điểm, anh A ghen tuông vô cớ thường xuyên uống rượu về kiểm chuyện đánh đập chị từ đó anh chị sống chung không hạnh phúc, chị làm đơn xin ly hôn anh A cam kết sửa chữa chị rút đơn khởi kiện nhưng anh A không sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ tháng 6 năm 2018 cho đến

nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn sống chung không hạnh phúc nên chị làm đơn ly hôn với anh A.

Về con chung: có hai cháu là Trịnh Hoàng G, sinh ngày 20/5/2003, Trịnh Hoàng T, sinh ngày 28/7/2005. Ly hôn chị yêu cầu nuôi hai cháu G và T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Trịnh Hoàng A- Bị đơn trình bày: Anh A vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh A nhưng anh A không đến tòa nên tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh A.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng C với anh Trịnh Hoàng A. Về con chung: giao hai cháu Trịnh Hoàng G, sinh ngày 20/5/2003, Trịnh Hoàng T, sinh ngày 28/7/2005 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không có; không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C anh A chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị C xác định chị và anh A chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh A cam kết sửa chữa chị làm đơn xin rút đơn

khởi kiện, nhưng về anh Â không thay đổi mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 6 năm 2018 chỉ làm đơn ly hôn. Tại tòa chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn anh Â.

Bị đơn anh Trịnh Hoàng Â vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

Qua làm việc chính quyền địa phương và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Â thì anh Â đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của chị C anh Â lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị C, xử cho chị C và anh Â được ly hôn là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình công bố năm 2014.

[4] Về con chung: Chị C yêu cầu nuôi hai cháu Trịnh Hoàng G, sinh ngày 20/5/2003, Trịnh Hoàng T, sinh ngày 28/7/2005 không yêu cầu Anh Â cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét về con chung: Qua hỏi ý kiến nguyện vọng của hai cháu G và T yêu cầu sống chung với chị C. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao hai cháu G và T cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng anh Â không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu là có căn cứ phù hợp với các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị C trình bày không có.

[8] Về án phí: Chị C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Anh Â không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Mộng C, xử cho chị Nguyễn Thị Mộng C và anh Trịnh Hoàng A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trịnh Hoàng G, sinh ngày 20/5/2003, Trịnh Hoàng T, sinh ngày 28/7/2005 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị C trình bày không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0019413 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trịnh Hoàng A không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh A vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu : Tập án ;
- Các đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- PV 27

(Đã ký)

Phan Thị Hưởng